

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn
Năm báo cáo 2020

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- **Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn**
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 44.03000032** đăng ký lần đầu ngày 11/4/2004 thay đổi lần thứ 13 ngày 27/09/2019 với mã số 3801068943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
- **Vốn điều lệ: 689.986.200.000 đồng**
- **Địa chỉ: Thị trấn Thanh Bình - huyện Bù Đốp - tỉnh Bình Phước.**
- **Số điện thoại: 0271 3563 359 - fax: 0271 3563 133**
- **Website: candon.com.vn**
- **Mã cổ phiếu: SJD**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn được thành lập theo quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty BOT Cần Đơn thuộc Tổng công ty Sông Đà thành công ty cổ phần.

Trong giai đoạn từ khi thành lập Công ty BOT đến khi nhà máy đi vào vận hành Công ty chỉ tập trung vào nhiệm vụ chính là quản lý, tổ chức thi công công trình thủy điện, theo uỷ quyền của TCT Sông Đà. Kể từ ngày 11/10/2004 Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Ngày 24/9/2004 Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập và ngày 11/10/2004 Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 44.03000032 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/09/2019 với mã số 3801068943.



Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005 Công ty đã xin ý kiến và được đại hội thông qua việc đưa cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/12/2006.

Đến nay, Công ty đã có 6 lần thay đổi vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Tăng vốn điều lệ lần thứ nhất thêm 60.000.000.000 đồng và đưa cổ phiếu tăng thêm lên thị trường chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/7/2007.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 2 thêm 38.996.290.000 đồng và đưa cổ phiếu tăng thêm lên thị trường chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/7/2008.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 3 thêm 59.795.210.000 đồng và đưa cổ phiếu tăng thêm lên thị trường chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/7/2010.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 4 thêm 51.200.000.000 đồng theo nghị quyết số 02/2013/NQ-ĐHĐCĐ-02 ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua về việc sáp nhập Công ty cổ phần thủy điện Ry Ninh II.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 5 thêm 50.000.000.000 đồng theo nghị quyết số 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua về việc sáp nhập Công ty cổ phần thủy điện Nà Lơi vào Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn.

Tăng vốn điều lệ lần thứ 6 thêm 229.994.700.000 đồng theo nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2017.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

- **Địa bàn kinh doanh:**

+ Trụ sở chính: Nhà máy thủy điện Cần Đơn: ấp Thanh Thủy, TT.Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

+ Chi nhánh Nhà máy thủy điện Ry Ninh II: Xã Yaly, huyện ChuPáh, tỉnh Gia Lai.

+ Chi nhánh Nhà máy thủy điện Nà Lơi: xã Thanh Minh, TP.Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm tiếp theo.

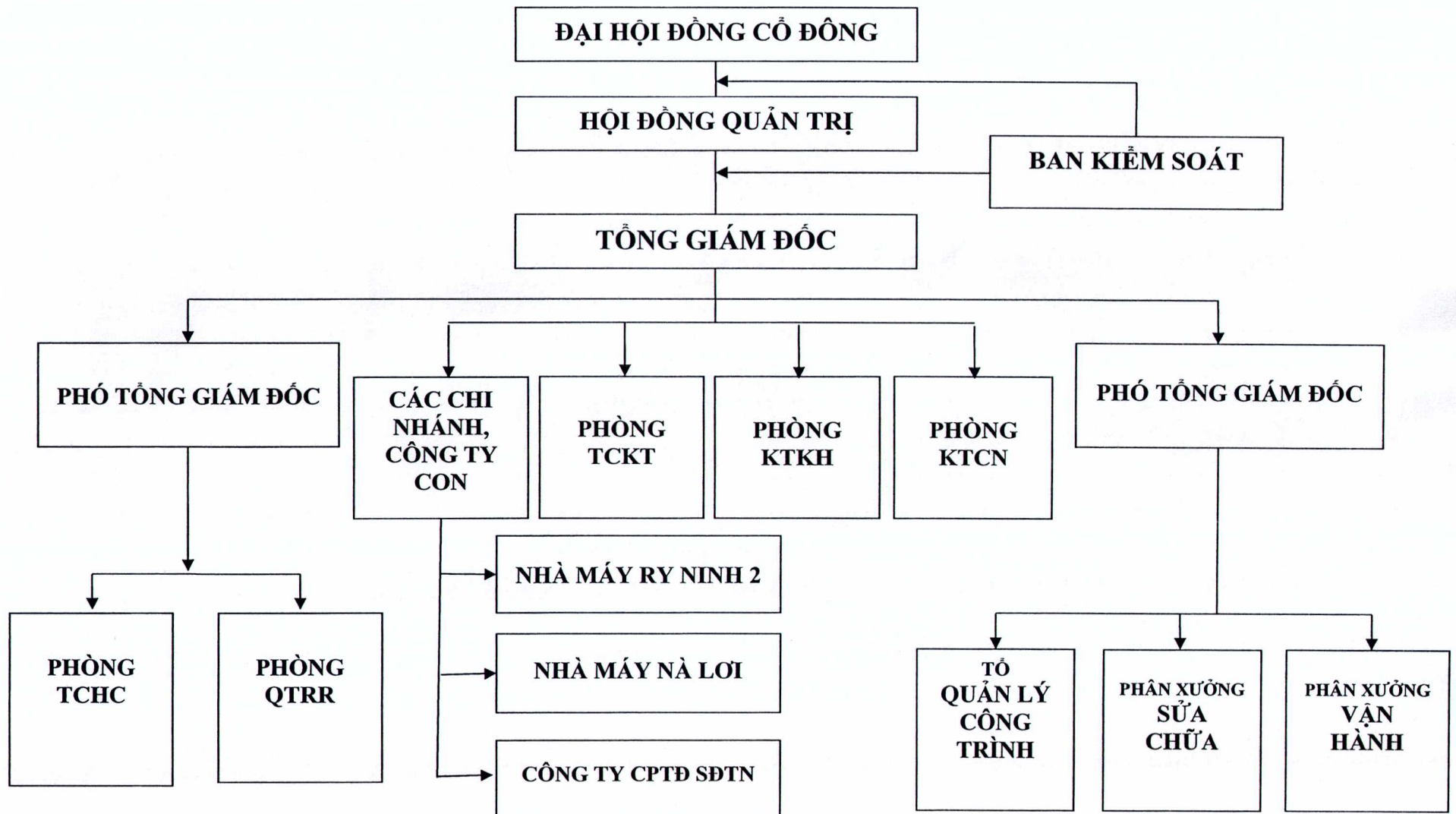
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty:**

(Xem sơ đồ)



Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

- **Công ty con:**

Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên: xã Hà Tây, huyện ChưPáh, tỉnh Gia Lai.

Vốn điều lệ là 75.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn nắm giữ 81,25% vốn điều lệ tương đương 60.937.500.000 đồng. Ngành nghề chính là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

5. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Xây dựng và phát triển công ty thành đơn vị vững mạnh, lấy hiệu quả kinh tế làm động lực cho sự phát triển bền vững của công ty. Đó là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân lành nghề, đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dùng nâng cao năng lực sản xuất của công ty.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

+ Nghiên cứu mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh, đặc biệt là những ngành nghề công ty có thế mạnh.

+ Phát huy mọi nguồn lực sẵn có để duy trì sự ổn định và nâng cao năng lực sản xuất.

+ Duy trì và tiếp tục phát triển công ty thành đơn vị mạnh có khả năng quản lý và đầu tư những dự án lớn trong lĩnh vực thủy điện quy mô vừa và nhỏ có công nghệ hiện đại.

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

+ Đảm bảo lợi ích chung của nhà nước và nhà đầu tư.

+ Không ngừng nâng cao đời sống vật tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

+ Tạo công ăn việc làm ổn định lâu dài cho người lao động. Thu hút và giữ chân nguồn lao động kỹ thuật cao tại công ty.

+ Hàng năm Công ty phối hợp với địa phương quan tâm chăm sóc các gia đình chính sách, gia đình neo đơn và những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Công ty đứng chân.

+ Duy trì môi trường sống Xanh – Sạch – Đẹp hiện có của công ty, tổ chức thu gom, xử lý rác thải theo đúng các quy định ngành của Nhà nước. Và phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

+ Tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường, tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường.

- **Các rủi ro:** Hiện tại công ty chỉ sản xuất duy nhất sản phẩm điện năng và do Tập đoàn điện lực Việt Nam bao tiêu nên trước mắt rủi ro là rất nhỏ, tuy nhiên có những ảnh hưởng nhất định đến quá trình sản xuất của công ty như:

+ Nạn phá rừng bừa bãi làm tăng nguy cơ lũ quét vào mùa mưa, khô hạn vào mùa khô.

+ Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết gây ra tình trạng khô hạn, thiếu nguồn nước sản xuất.

+ Sự cạnh tranh nguồn nhân lực...

+ Rủi ro lãi suất: do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 dẫn đến lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm nên dẫn đến Doanh thu tài chính bị giảm theo.

+ Do không thu được nợ từ các cá nhân và các tổ chức.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020 Công ty do ảnh hưởng của thời tiết, mùa khô kéo dài, không đủ nguồn nước phục vụ sản xuất nên sản lượng điện thương phẩm năm nay không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, cùng với sự nỗ lực làm việc và sự chỉ đạo kịp thời trong sản xuất kinh doanh, năm qua Công ty đã gặt hái được những kết quả cụ thể như sau:

Bảng số 01 : Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ % |
|-----|------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| 1 | Sản lượng điện (KWh) | 423.000.000 | 325.256.272 | 77 |
| 2 | Doanh thu | 441.800.000.000 | 336.481.260.217 | 76 |
| 3 | Chi phí | 241.100.000.000 | 208.214.417.062 | 86 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 200.700.000.000 | 128.266.843.155 | 64 |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | 143.500.000.000 | 107.329.281.131 | 75 |
| 6 | Thu nhập bq/CBCNV | 12.000.000 | 15.205.513 | 127 |

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc:

a. Lý lịch ông Mai Ngọc Hoàn: Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 15/10/1973.
- Nơi sinh: Đông Kinh - Đông Hưng - Thái Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Quê quán: Đông Kinh - Đông Hưng - Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Long Hưng - Phước Long - Bình Phước.
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện và Trung cấp cơ khí.
- Số CP nắm giữ: 10.000.000 cổ phần, chiếm 14,49 % vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng công ty Sông Đà – CTCP: 10.000.000 cổ phần.
 - + Cá nhân sở hữu: Không cổ phần.
- Quá trình công tác:
 - + Tháng 05/1995 - 04/2001: Công tác tại Ban cơ điện Xí nghiệp ắc quy Cửu Long, Công ty Pin ắc quy Miền Nam.
 - + Tháng 05/2001 - 08/2001: Cán bộ kỹ thuật Ban vật tư kỹ thuật Sông Đà 11, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
 - + Tháng 08/2001 - 10/2002: Học lớp trưởng ca nhà máy tại Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
 - + Tháng 10/2002 - 07/2003: Học lớp trưởng ca nhà máy tại Nhà máy thủy điện Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước.
 - + Tháng 07/2003 - 09/2003: Giám sát lắp đặt thiết bị tại Nhà máy thủy điện Cần Đơn.
 - + Tháng 09/2003 - 11/2004: Trưởng ca vận hành, Phó quản đốc Phân xưởng vận hành Công ty BOT thủy điện Cần Đơn.
 - + Tháng 11/2004 - 12/2005: Quản đốc Phân xưởng vận hành Công ty BOT thủy điện Cần Đơn.
 - + Tháng 01/2006 - 06/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty CP thủy điện Cần Đơn.
 - + Tháng 06/2010 đến nay Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.

b. Lý lịch ông Trần Văn Sáu: Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 08 tháng 10 năm 1960.
- Số CMTND/Hộ chiếu: 285308555 ; Ngày cấp 12/6/2007 do CA Bình Phước cấp.
- Nơi sinh: Tân Thuật- Kiến Xương - Thái Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Thanh Thủy - Thanh Bình - Bù Đốp - Bình Phước.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 11/1982 đến năm 1993: Cán bộ kỹ thuật thi công tại Công ty bê tông nghiên sàng (Công ty Sông Đà 7).
 - + Từ năm 1993-10/2000: Phó giám đốc xí nghiệp 403- Công ty Sông Đà 4.
 - + Từ tháng 10/2000-10/2002 Phó giám đốc nhà máy thủy điện Ry Ninh II- Công ty Sông Đà 11.
 - + Từ tháng 10/2002- 09/2009 Quản đốc phân xưởng Sửa chữa Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
 - + Từ tháng 10/2020 đến nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
 - + Từ tháng 11/2020 đến nay: nghỉ chế độ hưu trí.

c. Lý lịch ông Nguyễn Quang Tuyển: Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc Công ty .
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 25 tháng 09 năm 1974.
- Số CMTND/Hộ chiếu: 281112150; Ngày cấp 25/6/2011, do CA Bình Dương cấp.
- Nơi sinh: Song An, Vũ Thư, Thái Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Bàu Bàng, Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:

- + Từ ngày 02/1998 -3/1999: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Thủy Công - Công ty Sông Đà 4-Thủy điện YaLy - Gia Lai.
- + Từ tháng 3/1999 - 10/1999: Cán bộ Kỹ thuật tại Công ty BOT thủy điện Cần Đơn.
- + Từ tháng 10/1999 - 3/2002: Phó phòng Đèn Bù Công ty BOT thủy điện Cần Đơn.
- + Từ tháng 3/2002 - 6/2004: Trưởng phòng Đèn Bù Công ty BOT thủy điện Cần Đơn.
- + Từ tháng 6/2004 - 11/2004: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty BOT thủy điện Cần Đơn.
- + Từ tháng 11/2004 -7/2007: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
- + Từ tháng 7/2007- 4/2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
- + Từ tháng 5-2009 -4/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần phát triển Đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu.
- + Từ tháng 5/2011-3/2012: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà.
- + Từ tháng 3/2012 -01/2016: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà.
- + Từ tháng 6/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn.
- + Từ ngày 15/02/2016 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn.

d. Lý lịch bà Hồ Thị Huê: Phụ trách phòng Tài chính kế toán và công tác kế toán

- Chức vụ hiện tại: Phó phòng tài chính kế toán, Phụ trách phòng Tài chính kế toán và công tác kế toán
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 11 tháng 05 năm 1986.
- Số CMTND/Hộ chiếu: 251318060; Ngày cấp 15/07/2019, do CA tỉnh Lâm Đồng cấp.
- Nơi sinh: Kỳ Thọ, Kỳ Anh, Hà Tĩnh.
- Quốc tịch: Việt Nam.

- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 9/2010 đến 31/12/2018: Công tác tại phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
 - + Từ tháng 09/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm) tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên.
 - + Từ ngày 01/01/2019 đến 02/07/2019: Phó phòng Tài chính kế toán kiêm Phó kế toán trưởng Công ty.
 - + Từ ngày 03/07/2019 đến nay: Phó phòng Tài chính kế toán kiêm Phó kế toán trưởng; Phụ trách phòng Tài chính kế toán và Công tác kế toán Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.

e. Thay đổi trong Ban điều hành trong năm: Ông Trần Văn Sáu nghỉ hưu từ ngày 01/11/2020.

f. Số lượng CBCNV và thu nhập bình quân người lao động:

- Tổng số lao động trong năm 2020 là: 269 người, trong đó nhân viên gián tiếp là 87 người.

- Thu nhập BQ của người lao động trong năm 2020 là: 15.205.513 đồng/người/tháng.

g. Chính sách đối với người lao động:

- Công ty đã xây dựng và ban hành đầy đủ kịp thời các quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương, thưởng với CBCNV Công ty.

- Giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi theo quy định của Nhà nước cho người lao động như: Tổ chức thi nâng bậc, chuyển đổi hệ số lương mới, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...luôn đầy đủ và kịp thời.

h. Hoạt động đào tạo người lao động:

Hàng năm, cán bộ, công nhân viên sẽ được Công ty hỗ trợ tham gia các lớp ngắn hạn để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty có đầu tư tại Công ty cổ phần thủy điện Ry Ninh II ĐăkPsi và Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên.

4. Tình hình tài chính

Bảng số 02: Tình hình tài chính

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng/giảm |
|-----|-----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.364.155.189.282 | 1.313.952.531.906 | (3,68) |
| 2 | Doanh thu thuần | 425.122.607.256 | 331.270.455.251 | (22,1) |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 192.791.690.187 | 127.818.637.809 | (30,7) |
| 4 | Lợi nhuận khác | (363.334.951) | 448.205.346 | +223,4 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 192.428.355.236 | 128.266.843.155 | (33,34) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 152.911.807.834 | 99.748.971.626 | (34,76) |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 25% | 21% | (16) |

– Các chỉ tiêu khác:

Bảng số 03: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|---|-----------------|-----------------|---------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 3,74 | 3,58 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 3,71 | 3,56 | |
| + Nợ ngắn hạn | 180.636.171.253 | 191.303.608.605 | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 31,12% | 32,56% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 45,18% | 48,29% | |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt | | | |

| | | | |
|---|-----------------|-----------------|--|
| <i>động:</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | 31 | 33 | |
| + Giá vốn hàng bán | 187.794.507.737 | 153.303.947.548 | |
| + Hàng tồn kho bình quân | 6.215.269.367 | 4.635.127.541 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 31,16% | 25,21% | |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 35,51% | 30,11% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 16,36% | 11,26% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 11,27% | 7,59% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 45,35% | 38,58% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Số cổ phiếu đang lưu hành.

- Tổng số cổ phiếu của Công ty : 68.998.620 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 68.998.620 cổ phiếu.

Trong đó:

- + Tổng số cổ phiếu phổ thông: 68.998.620 cổ phiếu.
- + Số cổ phiếu khác : 0 cổ phiếu.

Các dữ liệu thống kê về cổ đông (Lấy theo danh sách chốt ngày 02/12/2020):

Tổng số vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 689.986.200.000 đồng (tương đương 68.998.620 cổ phần). Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn điều lệ như sau:

a. Cổ đông trong nước:

- Cá nhân: 14.328.542 cổ phần; chiếm 20,77% vốn điều lệ

- Tổ chức: 37.606.807 cổ phần; chiếm 54,5% vốn điều lệ (trong đó Tổng công ty Sông Đà: 35.161.056 cổ phần; chiếm 50,96% vốn điều lệ).

* Tổng công ty Sông Đà - CTCP có trụ sở tại Nhà G10- Số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; Đăng ký kinh doanh số 109576 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/3/1996 và thay đổi đăng ký kinh doanh số 010.010.5780 ngày 06/04/2018.

b. Cổ đông nước ngoài:

- Cá nhân và tổ chức nước ngoài: 17.063.271 cổ phần; chiếm 24,73% vốn điều lệ (trong đó Quỹ SAMARANG UCITS- SAMARANG ASIAN PROSPERITY: 6.620.385 cổ phần, chiếm 9,6% vốn điều lệ; Quỹ PYN ELITE FUND (NON-UCITS): 5.795.120 cổ phần, chiếm 8,4%).

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu

+ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Công ty sử dụng nguồn tài nguyên nước để sản xuất điện.

+ Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên liệu được tái chế sử dụng để sản xuất: Không tái chế.

- Tiêu thụ năng lượng

+ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Sử dụng năng lượng thủy năng.

+ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

+ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng : Không có

- Tiêu thụ Nước

+ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Các Nhà máy thủy điện sử dụng nguồn nước thiên nhiên trên các sông, suối trong khu vực. Nhà máy TĐ Cần Đơn sử dụng nguồn nước từ hệ thống Sông Bé, Nhà máy TĐ Nà Loi từ Sông Nậm Rồn còn Nhà máy thủy điện Ry Ninh II từ suối Ry Ninh.

+ Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không sử dụng nước tái chế.

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

+ Công ty hoạt động gắn liền với việc bảo vệ môi trường, đóng nộp thuế phí bảo vệ môi trường theo quy định. Không để tình trạng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

- ***Chính sách liên quan đến người lao động***

+ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm 1 lần cho cán bộ công nhân viên công ty. Công ty luôn cung cấp đồ dùng, bảo hộ lao động, tổ chức các lớp học an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên công ty. Phụ cấp cho các bộ phận khi làm việc ở môi trường độc hại. Trích quỹ phúc lợi vào các dịp lễ, tết cho cán bộ công nhân viên...

+ Hoạt động đào tạo người lao động: Thường xuyên cho cán bộ, công nhân viên công ty tham gia các khóa học ngắn hạn nhằm phát triển kỹ năng trong công việc.

- ***Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.***

+ Trong năm công ty luôn có những hoạt động hỗ trợ tài chính các đơn vị như trường học, bộ đội địa phương, bệnh viện nhằm phục vụ cộng đồng.

- ***Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh:*** Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo của Ban Giám đốc đã trình bày ở phần II.

1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã tiến hành sắp xếp lại bộ máy quản lý từ các phòng ban đến phân xưởng; đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Đồng thời xây dựng và trình HĐQT Công ty ban hành các quy chế quản lý nội bộ nhằm đáp ứng kịp thời nhiệm vụ quản lý và điều hành SXKD và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch SXKD, dự toán chi phí hàng năm trình HĐQT công ty phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện, mặt khác Công ty cũng đã xây dựng các quy chế, quy định nội bộ về: Chi tiêu, xăng dầu, bảo dưỡng sửa chữa..., nhằm kiểm tra giám sát các hoạt động SXKD hàng ngày, đồng thời tăng cường biện pháp kiểm tra trực tiếp. Vì vậy trong năm 2020 các chi phí sản xuất và quản lý đều đảm bảo không vượt dự toán đã được duyệt. Tỷ trọng chi phí phù hợp các quy định của Nhà nước.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty tiếp tục tìm kiếm và tham gia đầu tư vào các dự án thủy điện, bất động sản, tài chính, năng lượng khác. Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2020, tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus corona (Covid-19) gây ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế, nền kinh tế trong nước biến động mạnh, chi phí sản xuất tăng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của đơn vị. Cùng với đó nhà máy thủy điện phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước thiên nhiên tuy nhiên, điều kiện thời tiết năm 2020 không mấy ưu đãi, mùa mưa ngắn mà mùa khô kéo dài điều này ảnh hưởng không nhỏ tới các nhà máy thủy điện ở Đông Nam bộ trong đó có Nhà máy thủy điện Cần Đơn nên việc sản xuất điện bị giảm sút. Mặc dù vậy, được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tổng công ty Sông Đà, Hội đồng quản trị Công ty và BCH Đảng bộ Công ty, đặc biệt là sự nỗ lực của tập thể CBCNV trong công ty cùng phấn đấu nâng cao năng lực sản xuất, trong năm lợi nhuận năm đã đạt kết quả như sau.

- Doanh thu đạt: 336,481 tỷ đồng/KH 441,800 tỷ đồng (đạt 76%).
- Lợi nhuận trước thuế: 128,266 tỷ đồng/KH 200,700 tỷ đồng (đạt 64%).
- Nộp ngân sách nhà nước: 107,329 tỷ đồng/KH 143,500 tỷ đồng (đạt 75%)
- Thu nhập bình quân tháng của CB CNV: 15,205 triệu đồng/KH 12 triệu đồng (đạt 126,67%).

Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như trên là sự nỗ lực đáng trân trọng của toàn thể Công ty. Hội đồng Quản trị hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã đồng sức, đồng lòng để có thể đạt được những kết quả như trên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành SXKD, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt kịp thời. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành.

- Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc. Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn trong công tác sản xuất, hạn hán kéo dài nên lượng nước về hồ không đủ để sản xuất. Tuy nhiên, Công ty đã tận dụng triệt để nguồn nước về hồ để phát điện, tiết giảm các chi phí đầu tư chưa thật cần thiết và các chi phí khác đến mức thấp nhất, nên năm 2020 Công ty đã gặt hái được những kết quả nêu trên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Do sản phẩm chính của công ty là điện cho nên mọi chỉ tiêu SXKD đều phụ thuộc vào sản lượng điện thương phẩm sản xuất được. Căn cứ vào lượng nước về hồ trong quý I và những dự báo về tình hình thủy văn năm 2021, HĐQT đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Các chỉ tiêu chính được xác định trong bảng tóm tắt sau:

Bảng số 04: Kế hoạch SXKD năm 2021

(Lấy theo số liệu Công ty đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt)

| TT | Các chỉ tiêu chính | ĐVT | Kế hoạch năm 2021 | | Ghi chú |
|------|---|-------------------|-------------------|----------|---------|
| | | | Công ty mẹ | Hợp nhất | |
| I | Sản lượng điện thương phẩm | Kwh | 389.000 | 415.000 | |
| II | Tổng giá trị SXKD | 10 ⁶ đ | 440.169 | 476.418 | |
| | - Sản xuất công nghiệp | 10 ⁶ đ | 434.947 | 470.689 | |
| | - SXKD khác | 10 ⁶ đ | 5.222 | 5.729 | |
| III | Các chỉ tiêu tài chính | | | | |
| 1 | Doanh thu | 10 ⁶ đ | 400.028 | 433.028 | |
| 2 | Các khoản nộp Nhà nước | 10 ⁶ đ | 131.331 | 138.432 | |
| 3 | Lợi nhuận | 10 ⁶ đ | | | |
| - | Lợi nhuận trước thuế | 10 ⁶ đ | 174.819 | 174.819 | |
| - | Lợi nhuận sau thuế | 10 ⁶ đ | 139.855 | 139.855 | |
| 4 | Hiệu suất sử dụng vốn | | | | |
| | Lợi nhuận cận biên | % | 44 | 40 | |
| | Lợi nhuận sau thuế/ VC SHBQ BQ (ROE) | % | 16 | 15 | |
| | Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản BQ (ROA) | % | 12 | 10,2 | |
| VI | Vốn điều lệ | 10 ⁶ đ | 689.986 | 689.986 | |
| VII | Vốn chủ sở hữu | 10 ⁶ đ | 877.638 | 932.170 | |
| VIII | Dự kiến chi trả cổ tức | % | 18 | 18 | |

Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục duy trì chế độ hợp định kỳ hàng quý để kiểm điểm, xem xét việc thực hiện nhiệm vụ quý trước và kế hoạch quý sau, có điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; Phê duyệt, ban hành các

quyết định quản lý kịp thời để TGD và các cán bộ quản lý triển khai thực hiện; Tập trung chỉ đạo công tác SXKD, vận hành nhà máy tối ưu để có sản lượng điện thương phẩm cao, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước và Nghị quyết nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2020 đã đề ra.

Tìm kiếm dự án có hiệu quả để mở rộng SXKD. Tập trung tham gia các dự án của TCT Sông Đà; ưu tiên các dự án hợp với ngành nghề để tham gia, hợp tác đầu tư.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện các hoạt động và duy trì các mối quan hệ chặt chẽ với Đảng ủy, các đoàn thể quần chúng với địa phương nơi Công ty đứng chân nhằm phát huy sức mạnh và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động SXKD của Công ty. Thường xuyên quan tâm tới đời sống của CBCNV, có cơ chế đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ quản lý giỏi, thợ bậc cao, người có thành tích mang lại lợi nhuận cho Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Trong đó có 02 thành viên hoạt động độc lập không điều hành.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện của Tổng công ty Sông Đà bởi các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

| Cổ đông sáng lập | Giá trị vốn góp hoặc vốn đại diện | Số lượng cổ phần sở hữu hoặc đại diện | Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ (%) |
|----------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Phạm Văn Việt | 140.000.000.000 | 14.000.000 | 20,29 |
| 2. Ông Mai Ngọc Hoàn | 100.000.000.000 | 10.000.000 | 14,49 |
| 3. Ông Trần Đức Tân | 70.000.000.000 | 7.000.000 | 10,15 |

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hiện tại Công ty không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2020 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp để thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các quý cụ thể như sau:

Số Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------------|--|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 08/01/2020 | Nghị quyết họp HĐQT Công ty Quý I/2020 |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc thống nhất kế hoạch SXKD năm 2020 để trình ĐHCĐ thường niên năm 2020 phê duyệt |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của Công ty CPTĐ Cần Đơn |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý vận hành năm 2020 của Công ty mẹ - Nhà máy thủy điện Cần Đơn |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ BDSC và nâng cấp thiết bị năm 2020 của Công ty mẹ - Nhà máy thủy điện Cần Đơn |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý vận hành năm 2020 của Chi nhánh Công ty - Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa và nâng cấp thiết bị năm 2020 của Chi nhánh Công ty - Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý vận hành năm 2020 của Chi nhánh Công ty - Nhà máy thủy điện Nà Lơi |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa và nâng cấp thiết bị năm 2020 của Chi nhánh Công ty - Nhà máy thủy điện Nà Lơi |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết thông qua kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 03/3/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt lựa chọn ngân hàng gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn |
| 12 | 11A/NQ-HĐQT | 17/3/2020 | Nghị quyết về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 |
| 13 | 12/NQ-HĐQT | 24/3/2020 | Nghị quyết về việc thay đổi thời gian chi trả cổ tức đợt 2 của năm 2018 bằng tiền mặt |
| 14 | 13/NQ-HĐQT | 25/3/2020 | Nghị quyết v/v phê duyệt định hướng, mục tiêu kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn (2021-2025) |

| | | | |
|----|------------|------------|--|
| 15 | 14/NQ-HĐQT | 10/4/2020 | Nghị quyết v/v thông qua chương trình công tác quý II của HĐQT và ước thực hiện SXKD quý I và giao kế hoạch SXKD quý II-2020 |
| 16 | 15/NQ-HĐQT | 15/4/2020 | Nghị quyết về việc xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 |
| 17 | 16/NQ-HĐQT | 04/5/2020 | Nghị quyết về công tác cán bộ Chi nhánh Công ty - Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 18 | 17/NQ-HĐQT | 18/5/2020 | Nghị quyết về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn năm 2020 |
| 19 | 18/NQ-HĐQT | 02/6/2020 | Nghị quyết thông qua nội dung tài liệu và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 |
| 20 | 19/NQ-HĐQT | 12/6/2020 | Nghị quyết thông qua một số nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CPTĐ Sông Đà Tây Nguyên |
| 21 | 20/NQ-HĐQT | 29/6/2020 | Nghị quyết thông qua một số nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CPTĐ Ry Ninh II – ĐắkPsi |
| 22 | 21/NQ-HĐQT | 03/07/2020 | Nghị quyết về việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 |
| 23 | 22/NQ-HĐQT | 13/7/2020 | Nghị quyết họp HĐQT Công ty Quý III/2020 |
| 24 | 23/NQ-HĐQT | 17/7/2020 | Nghị quyết phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2020 |
| 25 | 24/NQ-HĐQT | 22/7/2020 | Nghị quyết bổ sung quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 cho Chi nhánh Công ty - NMTĐ Ry Ninh II |
| 26 | 25/NQ-HĐQT | 27/8/2020 | Nghị quyết về việc thông qua miễn nhiệm chức vụ và nghị việc hưởng chế độ hưu trí |
| 27 | 26/NQ-HĐQT | 05/11/2020 | Nghị quyết Họp HĐQT kỳ họp Quý IV/2020 |
| 28 | 27/NQ-HĐQT | 05/11/2020 | Nghị quyết về việc chi trả tiền lương Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS công ty |
| 29 | 28/NQ-HĐQT | 17/11/2020 | Nghị quyết về việc Chi trả cổ tức năm 2019 |
| 30 | 29/NQ-HĐQT | 30/11/2020 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch SXKD quý IV năm 2020 |

380
CỔ
CỔ
TH
CÁ
TƯ ĐÓ

Các Quyết định của Hội đồng quản trị:

| STT | Số Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------------|--|
| 1 | 01/QĐ-HĐQT | 08/01/2020 | Quyết định về việc Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của CBCNV Công ty CPTĐ Cần Đơn |
| 2 | 02/QĐ-HĐQT | 04/5/2020 | Quyết định về việc miễn nhiệm Quyền Giám đốc Chi nhánh công ty - NMTĐ Ry Ninh II (Ông Nguyễn Quốc Huy - từ ngày 11/5/2020) |
| 3 | 03/QĐ-HĐQT | 04/5/2020 | Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh công ty - NMTĐ Ry Ninh II (Ông Trần Văn Hiệp từ ngày 11/5/2020) |
| 4 | 04/QĐ-HĐQT | 27/8/2020 | Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với ông Trần Văn Sáu từ ngày 01/11/2020 |

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:
Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 05 người cụ thể như sau:

| <i>Danh sách thành viên HĐQT</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ghi chú</i> |
|----------------------------------|-----------------|----------------|
| 1. Ông Phạm Văn Việt | Chủ tịch HĐQT | |
| 2. Ông Mai Ngọc Hoàn | Thành viên HĐQT | |
| 3. Ông Nguyễn Quang Tuyển | Thành viên HĐQT | |
| 4. Bà Nguyễn Hồng Vân | Thành viên HĐQT | |
| 5. Ông Trần Đức Tân | Thành viên HĐQT | |

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Tỷ lệ sở hữu cổ phần đại diện của Tổng Công ty Sông Đà bởi các thành viên như sau.

| Thành viên BKS | Chức vụ | Giá trị vốn góp hoặc vốn đại diện | Số lượng cổ phần sở hữu hoặc đại diện | Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ (%) |
|----------------------------|----------------|-----------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Vũ Ngọc Long | Trưởng BKS | 41.610.560.000 | 4.161.056 | 6,03% |
| 2. Ông Bùi Xuân Ninh | Thành viên BKS | 0 | | 0 |
| 3. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai | Thành viên BKS | 0 | | 0 |

Số lượng thành viên Ban kiểm soát đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 02 người.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020 Ban kiểm soát Công ty đã tham gia 03 cuộc họp để thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các quý.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

a.1. Hội đồng quản trị:

| Họ Tên | Chức vụ | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Tổng thu nhập |
|--------------------|---------|-------------|-------------|------------|---------------|
| Phạm Văn Việt | CT.HĐQT | 811.621.665 | 89.915.714 | | 901.537.379 |
| Mai Ngọc Hoàn | TV.HĐQT | 658.646.600 | 102.724.928 | 52.560.000 | 813.931.528 |
| Nguyễn Quang Tuyền | TV.HĐQT | 485.297.109 | 85.042.615 | 52.560.000 | 622.899.724 |
| Nguyễn Hồng Vân | TV.HĐQT | | 16.000.000 | 52.560.000 | 68.560.000 |
| Trần Đức Tân | TV.HĐQT | | 16.000.000 | 52.560.000 | 68.560.000 |

a.2. Ban Kiểm soát

| Họ Tên | Chức vụ | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Tổng thu nhập |
|----------------------|---------|-------------|------------|------------|---------------|
| Vũ Ngọc Long | TBKS | 174.076.966 | 14.514.868 | | 188.591.834 |
| Lê Viết Đoàn | TBKS | 152.317.345 | 34.817.721 | | 187.135.066 |
| Nguyễn Thị Tuyết Mai | TV.BKS | | 16.000.000 | 43.800.000 | 59.800.000 |
| Bùi Xuân Ninh | TV.BKS | 328.192.033 | 87.736.280 | 43.800.000 | 459.728.313 |

- Tiền lương và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được hưởng theo quyết định của HĐQT và được HĐQT phê duyệt hàng năm.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có).

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Không có).

d. Đánh giá về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty không đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 155, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Công ty không đảm bảo tất cả Kiểm soát viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên, theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Nghị định 71/2017/NĐ-CP và điểm b, Khoản 1, Điều 169, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Nguyên nhân: Trước khi tiến hành bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên, Công ty đã thực hiện thông báo đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định. Trong thông báo nêu rõ số lượng, tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT và BKS. Tuy nhiên, Công ty không nhận được đủ số lượng đề cử, ứng cử thành viên độc lập HĐQT và thành viên BKS là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên. Nên cổ đông Công ty tại ĐHĐCĐ đã thực hiện bầu thành viên HĐQT và BKS theo đúng quy chế bầu cử của Công ty và quy định của Pháp luật để chọn ra HĐQT và BKS như hiện tại.

- Phương án khắc phục: tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất, Công ty sẽ trình ĐHĐCĐ cơ cấu lại thành phần thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty đảm bảo theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn đã được đoàn kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội kiểm toán xong ngày 08/04/2021, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Theo ý kiến của cơ quan kiểm toán độc lập, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Kết thúc năm tài chính năm 2020. Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài chính, đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành và Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán theo đúng quy định. *(Có chi tiết tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và đã được công bố thông tin).*

- **Đơn vị kiểm toán:** Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội.

Địa chỉ: số 40 Giảng Võ – quận Đống Đa – Hà Nội - Việt Nam.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Mai Ngọc Hoàn